TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 04 / 5 / 2020.
V/v: Tranh chấp xin ly hôn, con chung.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thanh Loan -** Thẩm phán
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Thùy Ngân**
2. Bà **Chung Kim Sang**
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Tú**
- Đại diện Viện kiểm sát nH dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên tòa: Bà **Đồng Thanh Lam –** Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020. Tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 499/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2019 về việc "Xin ly hôn, nuôi con chung".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Mỹ N (Th),** sinh năm 1992 (Có mặt)
Địa chỉ: Số 4/4 Chi L , phường Vĩnh B , Rạch G , Kiên G .
Bị đơn: Ông **Lý Trọng Nh ,** sinh năm 1988 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Số 278 A Huỳnh Tấn Ph , phường Vĩnh H , Rạch G , Kiên G .

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ N trình bày:** Bà Trần Thị Mỹ N và ông Lý Trọng Nh chung sống với nhau vào năm 2014 có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được UBND phường Vĩnh Lạc cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/01/2015.

Nguyên nH xin ly hôn: Trong quá trình chung sống những năm đầu vợ chồng bà rất hạnh phúc, nhưng thời gian thì vợ chồng bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và bất đồng ý kiến, cụ thể là do ông Lý Trọng Nh thường xuyên sử dụng ma túy đá, không lo làm ăn, lấy tiền của gia đình để mua ma túy về sử dụng. Dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, hiện nay tình cảm vợ chồng bà không còn nữa, hai người đã sống ly

tH từ tháng 5 năm 2019 cho đến nay vẫn không hàn gắn được. Vì vậy bà Trần Thị Mỹ N yêu cầu được ly hôn với ông Lý Trọng Nh .

- Về con chung: Bà N xác nhận có 02 người con chung tên Lý Gia H , sinh năm 2014 và Lý Gia An, sinh năm 2017. Hiện đang sống với bà. Bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H và cháu An đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông NH cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Lý Trọng Nh :** Không có ý kiến bằng văn bản theo thông báo thụ lý hợp lệ của Tòa án và cũng không có mặt theo hai lần thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Tại phiên tòa bị đơn ông Lý Trọng Nh vắng mặt.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nH dân thành phố Rạch Giá phát biểu quan điểm:***

Về tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự đã quy định. Các đương sự cũng thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng theo quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Trần Thị Mỹ NH .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn, nuôi con chung. Xác định đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp xin ly hôn". Căn cứ theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nH dân thành phố Rạch Giá. Đối với bị đơn ông Lý Trọng Nh Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa hôm nay tiếp tục vắng mặt không lý do. Căn cứ vào quy định tại Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Lý Trọng Nh nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho họ theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ kiện:

Về quan hệ hôn nH : Bà Trần Thị Mỹ N và ông Lý Trọng Nh tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Vĩnh Lạc cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/01/2015, nên đây là hôn nH hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nH và gia đình năm 2000.

Xét yêu cầu xin ly hôn của Bà N , Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Trần Thị Mỹ N và ông Lý Trọng Nh không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững và hạnh phúc. Cụ thể, tại phiên tòa bà Trần Thị Mỹ N trình bày do ông Lý Trọng Nh thường xuyên sử dụng ma túy đá, không lo làm ăn, lấy tiền của gia đình để mua ma túy về sử dụng. Dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, hiện nay tình cảm vợ chồng bà không còn nữa, hai người đã sống ly tH từ tháng 5 năm 2019 cho đến nay vẫn không hàn gắn được.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Trần Thị Mỹ N và ông Lý Trọng Nh đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nH không đạt được.

Trong nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Mỹ N được ly hôn với ông Lý Trọng Nh .

Về quan hệ con chung: Bà Trần Thị Mỹ N xác nhận có 02 người con chung tên Lý Gia H , sinh năm 2014 và Lý Gia An, sinh năm 2017. Bà N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H và cháu An. Căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nH gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của Bà N là hoàn toàn phù hợp.

Bà Trần Thị Mỹ N không yêu cầu ông Lý Trọng Nh cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về quan hệ tài sản chung: Bà Trần Thị Mỹ N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về quan hệ nợ chung: Bà Trần Thị Mỹ N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bị đơn ông Lý Trọng Nh , căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự " Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó". Nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông Lý Trọng Nh không có sự phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó, nếu ông Lý Trọng Nh có tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng thì ông Lý Trọng Nh có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Mỹ N phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 266, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 91, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nH và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân : Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Mỹ N đối với ông Lý Trọng Nh .

Tuyên bố bà Trần Thị Mỹ N được ly hôn với ông Lý Trọng Nh .

2. Về quan hệ con chung: Giao hai người con chung tên Lý Gia H , sinh năm 2014 và Lý Gia An, sinh năm 2017 cho bà Trần Thị Mỹ N trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Lý Trọng Nh được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ nợ chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà Trần Thị Mỹ N phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009565 ngày 23/10/2019 nên Bà N không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo**:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND TP.Rạch Giá
- TAND Tỉnh Kiên Giang
- VKSND Tỉnh Kiên Giang
- CQTHA TP.Rạch Giá
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Thanh Loan

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nH dân **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

TÒA ÁN NH DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG
---ଓ✪ଓ---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---ଓ✪ଓ---

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi…….giờ…….phút ngày 4 tháng 5 năm 2020
Tại trụ sở TAND thành phố Rạch Giá
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**:** Bà **Phạm Thị Thanh Loan**

Các Hội thẩm nH dân: Bà **Nguyễn Thị Thùy Ngân** và bà **Chung Kim Sang**

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 499/2019/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2019 về tranh chấp "Xin ly hôn" giữa:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Mỹ NH ,** sinh năm 1992

Địa chỉ: Số 4/4 Chi L , phường Vĩnh B , Rạch G , Kiên G .

Bị đơn: Ông **Lý Trọng Nh ,** sinh năm 1988

Địa chỉ: Số 278 A Huỳnh Tấn Ph , phường Vĩnh H , Rạch G , Kiên G .

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 266, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 91, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nH và gia đình năm 2000; Các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nH và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nH : Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Mỹ N đối với ông Lý Trọng Nh .

Tuyên bố bà Trần Thị Mỹ N được ly hôn với ông Lý Trọng Nh .

2. Về quan hệ con chung: Giao hai người con chung tên Lý Gia H , sinh năm 2014 và Lý Gia An, sinh năm 2017 cho bà Trần Thị Mỹ N trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Lý Trọng Nh được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ nợ chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà Trần Thị Mỹ N phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009565 ngày 23/10/2019 nên Bà N không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo**:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi…….giờ….phút ngày 4 tháng 5 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa**